TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN MỸ ĐỨC – TP HÀ NỘI	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST	
Ngày: 21-01-2019.	
V/v: Tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Lâm Bình.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Lê Mạnh Nhanh.**

Ông **Nguyễn Văn Son.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Trần Thị Thu Hường –** Cán bộ TAND huyện M.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mtham gia phiên toà:* Bà **Trần Thị Nhâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M– TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Lê Cao T**, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Xóm 2, thôn H, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

2. Bị đơn: **Chị Dương Thị M**, sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 2, thôn H, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

Nơi cư trú: Xóm 13, thôn D, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

3. Người làm chứng: **Bà Nguyễn Thị M1**, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Xóm 13, thôn D, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

(Đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lê Cao T và chị Dương Thị M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H ngày 27/01/2016. Sau khi cưới chị M về nhà anh T làm dâu, vợ chồng anh chị đều làm ruộng. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do anh T và chị M không bảo ban được nhau trong cách làm ăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Tháng 7/2017 anh T và chị M sống ly thân, anh T và chị M không còn quan tâm gì đến nay. Nay anh T thấy

tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh.

Về con chung: Anh, chị chưa có con chung.

Bị đơn là chị Dương Thị M: Mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án nhưng chị M vắng mặt không có lý do.

Bà Nguyễn Thị M1 là mẹ đẻ và ở cùng nhà với chị M cho biết: Anh T và chị M tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi cưới cháu M về nhà anh T làm dâu, vợ chồng anh chị đều ở nhà làm ruộng. Cuộc sống chung vợ chồng cháu M không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau trong cách làm ăn, từ đó thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ. Bà và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không đạt kết quả, tháng 7 năm 2017 vợ chồng anh chị sống ly. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, bà xác nhận cuộc sống chung vợ chồng giữa chị M và anh T không hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T, chị M được ly hôn.

Về phần chị M: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị M đang sống cùng bà, hiện nay chị M đi làm ăn xa không có nhà. Bà không biết địa chỉ chính xác nơi làm việc của chị M, thỉnh thoảng chị M có về nhà và thường xuyên gọi điện về cho bà. Chị M biết việc anh T có đơn xin ly hôn, chị M đã nhiều lần nhận được Giấy triệu tập và các văn bản Tòa án tống đạt nhưng do phải đi làm ăn nên chị M không thể đến Tòa án để làm việc. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giải quyết vắng mặt chị.

Về con chung: Bà M1 thừa nhận anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà M1 xác nhận do vợ chồng anh T, chị M không có tài sản chung, không nợ nần gì ai.

Tòa án đã kiên trì tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả do chị M vắng mặt còn anh T tha thiết xin được ly hôn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự như tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn… Việc bị đơn vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Cao T.
- Về con chung: Anh chị không có con chung.
- Tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Cao T đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh T, chị M vắng mặt có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị M trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ, chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, nhiều mâu thuẫn, rạn nứt không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, kinh tế riêng biệt. Anh T kiên quyết xin ly hôn và không chấp nhận đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về vấn đề con chung: Anh T, chị M không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh T, bà M1 (Mẹ đẻ của chị M) đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không đề nghị Tòa xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

- Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **Lê Cao T**. Anh **Lê Cao T** được ly hôn chị **Dương Thị M.**

Về con chung: Anh T, chị M không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Cao T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 2074 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
-TAND TP Hà Nội;
- VKS ND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lâm Bình